

Thực trạng chất lượng học tập các môn thể thao tự chọn đào tạo theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hồng Đức

TÓM TẮT:

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng và triển khai các biện pháp tổ chức tập luyện nhằm nâng cao chất lượng học tập môn Giáo dục thể chất (GDTC) nói chung và các môn thể thao tự chọn (TTTC) nói riêng phù hợp theo học chế tín chỉ (HCTC) cho sinh viên (SV) không chuyên trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ) hiện nay, quá trình nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng về nội dung chương trình, trình độ thể lực, kết quả học tập... các môn thể thao tự chọn của SV không chuyên trường ĐHHĐ.

Từ khóa: thực trạng, chất lượng học tập, thể thao tự chọn.

ABSTRACT:

In order to create the real basis for constructing and implementing methods on training to improve studying quality of physical education in general and other selective sports in particular which are suitable for credit training form of non-professional students in Hong Duc University. The research process has examined and assessed on content of the program, physical levels, studying results... of selective sports of non-professional students in Hong Duc University.

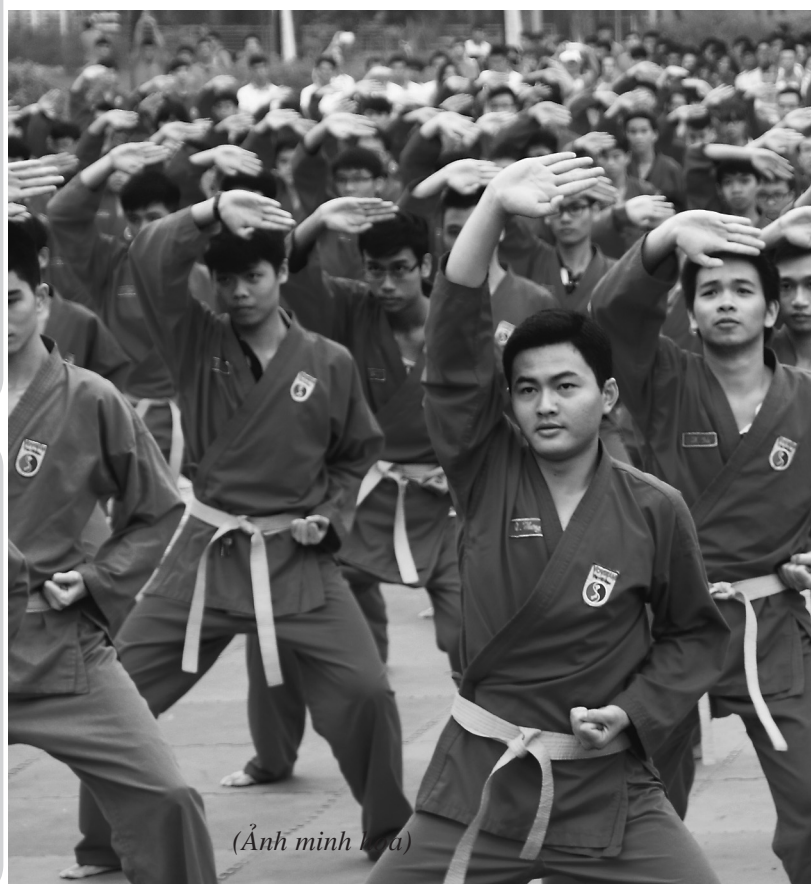
Keywords: current status, studying quality, selective sports.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nâng cao chất lượng đào tạo SV là nhiệm vụ chính trị quan trọng và cấp bách nhất của nhà trường nói chung và của các môn học nói riêng, trong đó có các môn trong chương trình GDTC.

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, đồng thời căn cứ theo xu hướng chung của ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), trong những năm qua trường ĐHHĐ đã tiến hành đổi mới hình thức tổ chức, quản lý, phương pháp dạy học các môn học nói chung và môn học GDTC nói riêng và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong đó có việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Từ năm học 2016 - 2017, khoa

TS. Đồng Hương Lan ■



(Ảnh minh họa)

GDTC, trường ĐHHĐ đã thực hiện theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT về đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học cho SV các lớp chuyên ngành GDTC. Bên cạnh đó, thực hiện chuyển đổi chương trình GDTC cho SV khối lớp không chuyên theo thông tư 25/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ GD&ĐT, khoa cũng đã tiến hành xây dựng chương trình chuyển đổi hình thức đào tạo theo niên chế sang tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ và đưa vào giảng dạy.

Tuy nhiên, việc thực hiện chuyển hình thức học theo hình thức tín chỉ cho đối tượng không chuyên mới chỉ thực hiện được một năm nên vẫn còn một số khó khăn nhất định như: việc định hướng, lựa chọn môn học

tự chọn của SV còn bất cập. Bên cạnh đó, công tác ngoại khóa các môn thể thao của SV còn hạn chế, hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ (CLB) thể thao trong nhà trường chưa cao... Ngoài ra, công tác giải quyết vấn đề đối xử cá biệt đối với những SV có sức khỏe yếu kém còn nhiều bất cập, chưa có giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề này... Do đó đã ảnh hưởng nhiều đến chất lượng môn học GDTC nói chung và môn học tự chọn nói riêng, cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực chung của SV.

Vì vậy, để có cơ sở thực tiễn xây dựng và triển khai các biện pháp tổ chức tập luyện nhằm nâng cao chất lượng học tập môn GDTC nói chung và các môn TTTC nói riêng phù hợp theo học chế tín chỉ cho SV không chuyên trường ĐHHĐ hiện nay, quá trình nghiên cứu tiến hành khảo sát, đánh giá: **“Thực trạng chất lượng học tập các môn TTTC đào tạo theo HCTC cho SV trường Đạo học Hồng Đức”**.

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy học môn GDTC và các môn TTTC

2.1.1. Thực trạng về nội dung chương trình GDTC và nội dung chương trình môn TTTC theo HCTC của SV trường ĐHHĐ

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, chương trình GDTC được bố trí theo 2 học phần tương ứng với các học kỳ như sau:

+ Học kỳ 1 - Tương ứng với học phần 1 là học phần bắt buộc.

+ Học kỳ 2 - Tương ứng với học phần 2 là học phần tự chọn.

Tổng quỹ thời gian trong toàn khoá học của chương trình GDTC là 60 tiết được chia thành 02 học kỳ (30 tiết/học kỳ). Điểm trung bình chung của 02 học kỳ là điểm kết thúc môn học.

2.1.2. Thực trạng về đội ngũ cán bộ giảng dạy và CSVC phục vụ công tác GDTC và giảng dạy các môn TTTC

- Về đội ngũ:

+ Về số lượng cán bộ giảng dạy của khoa GDTC là 19 người: có 05 nữ và 14 nam, tuổi đời trung bình là 40, sinh hoạt theo 03 bộ môn.

+ Về trình độ chuyên môn: 100% số giảng viên đều tốt nghiệp đại học TĐTT, trong đó có 06 cán bộ có trình độ tiến sĩ (31,6%), 09 cán bộ có trình độ thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 47,4%).

Như vậy, đội ngũ cán bộ giảng dạy hiện nay cơ bản đã đáp ứng để thực hiện các nhiệm vụ GDTC trong nhà trường.

- Về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy: cơ sở vật chất (CSV), sân bãi, dụng cụ tập luyện hiện nay của nhà trường phần nào đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập nội khoá cũng như nhu cầu ngoại khoá, tự tập luyện thể thao, rèn luyện thân thể (RLTT) của SV.

Tuy nhiên với yêu cầu mở rộng và nâng cao chất lượng học tập các môn thể thao trong chương trình GDTC trong đó có các môn TTTC thì việc trang bị bổ sung về CSV (nhà thi đấu, đường chạy sân điền kinh, thiết bị học tập) là điều cần thiết.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn về giờ học chính khoá các môn TTTC của SV khối không chuyên trường ĐHHĐ (n = 250)

T T	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn									
		Bóng đá (n = 60)		Bóng chuyền (n = 70)		Bóng rổ (n = 60)		Vovinam (n = 60)		Tổng cộng (n = 250)	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
1	Công tác giảng dạy của giáo viên (kiến thức, tác phong, thời gian, tổ chức lớp học...)										
	Tốt	22	36.67	22	31.43	18	30.00	22	36.67	84	33.69
	Khá	26	43.33	28	40.00	26	43.33	27	45.00	107	42.92
	Trung bình	11	18.33	18	25.71	13	21.67	10	16.67	52	20.59
	Dưới trung bình	1	1.67	2	2.86	3	5.00	1	1.67	7	2.80
2	Ý kiến về giờ học TĐTT chính khoá										
	Sôi động, gây hứng thú tập luyện	26	43.33	28	40.00	24	40.00	26	43.33	104	41.67
	Bình thường	26	43.33	32	45.71	27	45.00	27	45.00	112	44.76
	Không sôi động, không gây hứng thú tập luyện.	8	13.33	10	14.29	9	15.00	7	11.67	34	13.57

2.1.3. Đánh giá thực trạng về giờ học môn TTTC và mật độ vận động của SV trong các giờ học thực hành môn TTTC

Các môn TTTC đã được khoa GDTC nhà trường xây dựng để đưa vào giảng dạy cho khóa đại học khóa 19 bao gồm 5 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam, Aerobic. Tuy nhiên do điều kiện khách quan khi định hướng, lựa chọn môn học nên khi SV đăng ký học chỉ có 4 môn thể thao là: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam.

Qua kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1 và 2 cho thấy:

- Nhiều SV cho rằng giờ học tự chọn là khá sôi động, gây hứng thú và tạo sự thoải mái cho SV khi tham gia học tập và tập luyện, nhưng vẫn còn 13.57%

tỷ lệ SV cho rằng giờ học chính khoá là không sôi động, không gây hứng thú tập luyện.

- Mật độ vận động trung bình của SV trường ĐHHĐ trong giờ học các môn TTTC chưa cao đạt 48.75%. Điều này có thể lý giải rằng, mật độ vận động trong các giờ tự chọn phụ thuộc phần nào vào điều kiện sân bãi tập luyện, một số lớp phải bố trí học vào tiết 3 - 4 hoặc 7 - 8, trời nắng nên SV lười vận động, một số SV do định hướng sai nên chưa thực sự hài lòng với môn thể thao đã lựa chọn để học tập.

2.1.4. Thực trạng hoạt động tập luyện ngoại khoá môn TTTC của SV trường ĐHHĐ

+ Về động cơ tham gia tập luyện ngoại khoá môn TTTC (bảng 3).

Bảng 2. Kết quả khảo sát mật độ vận động trong giờ học các môn TTTC của SV trường ĐHHĐ (n = 250)

TT	Môn học	Tham số	Mật độ vận động		
			Khởi động (15 phút)	Phần cơ bản (75 phút)	MĐVD trung bình (%)
1	Bóng đá	$\bar{X} \pm \delta$	7.25 ± 0.92	37.05 ± 4.12	48.87
		MĐVD trong từng phần (%)	48.33	49.40	
2	Bóng rổ	$\bar{X} \pm \delta$	7.12 ± 0.86	36.01 ± 4.08	47.74
		MĐVD trong từng phần (%)	47.47	48.01	
3	Bóng chuyền	$\bar{X} \pm \delta$	7.18 ± 0.88	36.06 ± 4.10	47.97
		MĐVD trong từng phần (%)	47.87	48.08	
4	Vovinam	$\bar{X} \pm \delta$	7.55 ± 0.96	37.55 ± 4.18	50.43
		MĐVD trong từng phần (%)	50.13	50.73	
		Σ			194.78
		$\bar{X}$			48.75

Bảng 3. Kết quả điều tra động cơ tham gia tập luyện ngoại khoá môn TTTC (n = 250)

T T	Nội dung phỏng vấn	Bóng đá (n = 60)		Bóng rổ (n = 60)		Bóng chuyền (n = 70)		Vovinam (n = 60)		Tổng cộng (n = 250)	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
A	Động cơ tập luyện										
1	Ham thích	19	31.67	18	30.00	20	28.57	19	31.67	76	30.48
2	Tăng cường sức khoẻ	15	25.00	15	25.00	16	22.86	16	26.67	62	24.88
3	Làm đẹp, giảm béo	3	5.00	3	5.00	4	5.71	2	3.33	12	4.76
4	Nâng cao năng lực vận động	10	16.67	10	16.67	12	17.14	10	16.67	42	16.79
5	Phòng chống bệnh tật	3	5.00	4	6.67	5	7.14	4	6.67	16	6.37
6	Thói quen vận động	3	5.00	2	3.33	4	5.71	2	3.33	11	4.35
7	Nhu cầu học tập	6	10.00	7	11.67	8	11.43	6	10.00	27	10.77
8	Động cơ khác	1	1.67	1	1.67	1	1.43	1	1.67	4	1.61
B	Yếu tố ảnh hưởng đến việc tập luyện ngoại khoá										
1	Không có giáo viên hướng dẫn	36	60.00	38	63.33	42	60.00	35	58.33	151	60.42
2	Không có thời gian	16	26.67	15	25.00	18	25.71	17	28.33	66	26.43
3	Không có đủ điều kiện sân bãi dụng cụ tập luyện	6	10.00	5	8.33	7	10.00	6	10.00	24	9.58
4	Không ham thích môn thể thao nào	1	1.67	1	1.67	2	2.86	1	1.67	5	1.96
5	Yếu tố khác	1	1.67	1	1.67	1	1.43	1	1.67	4	1.61

Từ kết quả thu được như trình bày ở bảng 3 cho thấy:

Động cơ tham gia tập luyện ngoại khoá các môn TTTC của SV chủ yếu là do động cơ ham thích (chiếm 30.48%); tăng cường sức khoẻ (chiếm tỷ lệ 24.88%); do nâng cao năng lực vận động (chiếm tỷ lệ 16.79%). Ngoài ra, cũng có số ít ý kiến cho rằng, mục đích tham gia tập luyện ngoại khoá là do nhu cầu học tập (chiếm tỷ lệ 10.77%), thói quen vận động (chiếm tỷ lệ 4.35%), để phòng chống bệnh tật (chiếm tỷ lệ 6.37%), do các động cơ khác chiếm tỷ lệ rất ít (1.61%).

Khi tìm hiểu ý kiến đánh giá của học sinh về yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ngoại khoá thể dục thể thao (TDTT) cho thấy: đa số ý kiến cho rằng, yếu tố chính ảnh hưởng việc tập tập ngoại khoá là do không có giáo viên (GV) hướng dẫn khoá (chiếm tỷ lệ 60.42%);

Như vậy, tổng hợp từ những kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy: đại đa số các ý kiến của SV được hỏi đều nhận thức được vai trò, tác dụng của môn Cầu lông đến sức khoẻ, nâng cao năng lực vận động, phát triển thể chất phục vụ học tập, đồng thời cũng do sự ham thích tập luyện các môn TTTC. Có thể nói rằng, đây là một trong những yếu tố thuận lợi, và là nhân tố quan trọng để phát triển phong trào tập luyện ngoại khoá các môn thể thao nói chung (trong đó có các môn Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền, Vovinam) và nâng cao chất lượng giờ học tự chọn cho SV nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

+ Về tần suất và thời gian tập luyện ngoại khoá môn TTTC: (bảng 4).

Đa số SV khi được hỏi đều cho rằng, số buổi tập luyện ngoại khoá với tần suất từ 1 buổi/1 tuần (chiếm tỷ lệ 68.40%), tiếp đến là số SV có tần suất tập luyện 2 - 3 buổi/1 tuần (chiếm tỷ lệ 24.80%), còn lại số ít SV tham gia tập luyện 4 buổi/1 tuần

(4.8%) và trên 4 buổi/1 tuần (2.00%).

Khi xem xét đến thâm niên tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao cho thấy, có sự tương đồng giữa thâm niên tham gia tập luyện và tần suất tập luyện ngoại khoá của SV. Đa số SV được hỏi đều cho rằng có thâm niên tập luyện từ trên 2 năm đến 3 năm (chiếm tỷ lệ 43.60%, trong đó đối tượng SV tập luyện môn Võ chiếm tỷ lệ cao hơn cả là 46.67; từ 1 đến 2 năm chiếm tỷ lệ 30.80%; dưới 1 năm (chiếm tỷ lệ 17.20%); trên 3 năm chiếm tỷ lệ 8.40%.

Như vậy từ những kết quả phân tích tổng hợp nêu trên có thể thấy rằng, về cơ bản SV trường ĐHHĐ đã có nhận thức được tác dụng của tập luyện ngoại khoá các môn thể thao nói chung và môn TTTC nói riêng đến rèn luyện thể lực, sức khoẻ, cũng như ham thích tập luyện ngoại khoá. Đa số các SV đều đã từng tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao từ cấp học trung học phổ thông.

+ Thực trạng các môn thể thao, hình thức và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao.

Quá trình nghiên cứu tiến hành khảo sát về thực trạng các môn thể thao thường xuyên tham gia tập luyện ngoại khoá, hình thức và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao nếu như được nhà trường tổ chức. Kết quả thu được trình bày ở bảng 5.

Từ kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy: phần lớn các em đều tập luyện ngoại khoá môn thể thao lựa chọn để học ở giờ chính khóa: môn Bóng đá có 46.67%, Bóng rổ có 41.67%, Bóng chuyền có 44.29%, Vovinam có 46.67%. Tuy nhiên vẫn còn một số lượng không nhỏ SV thích học ngoại khoá các môn thể thao khác chiếm tỷ lệ cao hơn cả là: cầu lông chiếm 13.6%, Bơi lội chiếm 8.8%, Aerobic chiếm 7.6%. Bên cạnh đó vẫn còn một số môn thể thao chiếm tỷ lệ nhỏ được SV ưa thích tập luyện như:

Bảng 4. Tần suất tham gia tập luyện ngoại khoá trong tuần và thâm niên tham gia tập luyện ngoại khoá các môn TTTC (n = 250)

TT	Nội dung phỏng vấn	Bóng đá (n = 60)		Bóng rổ (n = 60)		Bóng chuyền (n = 70)		Vovinam (n = 60)		Tổng cộng (n = 250)	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
1	Số buổi tập luyện trong 1 tuần										
	Tập 1 buổi	42	70.00	41	68.33	46	65.71	42	0.70	171	68.40
	Tập từ 2 - 3 buổi	14	23.33	15	25.00	18	25.71	15	0.25	62	24.80
	Tập 4 buổi	3	5.00	3	5.00	4	5.71	2	0.03	12	4.80
	Tập trên 4 buổi	1	1.67	1	1.67	2	2.86	1	0.02	5	2.00
2	Thâm niên tham gia tập luyện ngoại khoá										
	Tập dưới 1 năm	12	20.00	11	18.33	11	15.71	9	15.00	43	17.20
	Tập từ 1 đến 2 năm	17	28.33	20	33.33	23	32.86	17	28.33	77	30.80
	Tập từ trên 2 năm đến 3 năm	26	43.33	25	41.67	30	42.86	28	46.67	109	43.60
	Tập trên 3 năm	5	8.33	4	6.67	6	8.57	6	10.00	21	8.40

Bóng bàn chiếm 4.40%, đá cầu chiếm 4.40%, cờ vua chiếm 2.40%. Như vậy, phần lớn SV có sự lựa chọn đúng đắn khi đăng ký môn học, nhưng vẫn còn nhiều SV mặc dù đã đăng ký môn thể thao để học trong giờ học chính khóa nhưng các SV vẫn không ưa thích tập luyện môn thể thao mình đã chọn, điều này cho thấy do các em có định hướng sai khi lựa chọn môn học. Hoặc có những môn thể thao SV ưa thích tập nhưng những môn thể thao đó không được nhà trường đưa vào giảng dạy do điều kiện CSVN chưa đáp ứng tốt như môn Cầu lông, môn Bơi lội.

Về hình thức tham gia tập luyện: đa số SV đều tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao dưới hình thức tự tập luyện do không có GV hướng dẫn (chiếm tỷ lệ 26.00%) hoặc tự tập luyện theo nhóm (chiếm tỷ lệ 65.20); với số lượng 4.00% số SV tham gia tập luyện ngoại khoá dưới hình thức đội tuyển các môn thể thao của khoa, thì qua khảo sát cho thấy: số SV này

được khoa tuyển chọn vào các đội tuyển tham gia thi đấu các giải thể thao truyền thống của nhà trường, và chỉ tham gia tập luyện vào thời điểm nhất định trước khi thi tham gia thi đấu; chỉ với 4.80% số SV tập luyện trong các CLB.

Khi tìm hiểu về nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức lớp học, CLB thể thao có giáo viên hướng dẫn, thì được số học sinh đánh giá rất cao (85,20%).

2.2. Kết quả học tập môn TTTC và đánh giá tiêu chuẩn RLTT của SV trường ĐHHĐ

2.2.1. Kết quả học tập môn học tự chọn

Từ kết quả thu được ở bảng 6 cho thấy: kết quả học tập của SV chủ yếu xếp loại trung bình (65.69%), tiếp đến là loại khá có 78/510 SV (chiếm tỷ lệ 15.29%), tỷ lệ số SV đạt loại xuất sắc và giỏi rất thấp, chỉ có 28/510 SV, chiếm tỷ lệ 5.49%. Trong khi đó, tỷ lệ SV

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn về nhu cầu và hình thức tham gia tập luyện ngoại khoá các môn thể thao của SV (n = 250)

T T	Nội dung phỏng vấn	Bóng đá (n = 60)		Bóng rổ (n = 60)		Bóng chuyền (n = 70)		Vovinam (n = 60)		Tổng cộng (n = 250)	
		n	%	n	%	n	n	%	n	%	n
1	Môn thể thao tập luyện ngoại khoá										
	Bóng đá	28	46.67	2	3.33	1	1.43	3	5.00	34	13.60
	Cờ vua	1	1.67	2	3.33	2	2.86	1	1.67	6	2.40
	Bóng bàn	2	3.33	3	5.00	3	4.29	3	5.00	11	4.40
	Đá cầu	3	5.00	2	3.33	2	2.86	4	6.67	11	4.40
	Cầu lông	9	15.00	8	13.33	10	14.29	7	11.67	34	13.60
	Vovinam	1	1.67	2	3.33	3	4.29	28	46.67	34	13.60
	Bóng chuyền	5	8.33	4	6.67	31	44.29	4	6.67	44	17.60
	Bơi lội	7	11.67	5	8.33	6	8.57	4	6.67	22	8.80
	Aerobic	2	3.33	6	10.00	7	10.00	4	6.67	19	7.60
	Bóng rổ	2	3.33	25	41.67	4	5.71	2	3.33	33	13.20
	Các môn thể thao khác	0	0.00	1	1.67	1	1.43	0	0.00	2	0.80
2	Hình thức tham gia tập luyện ngoại khoá										
	Tự tập luyện	16	26.67	17	28.33	17	24.29	15	25.00	65	26.00
	Tập luyện theo nhóm	35	58.33	43	71.67	48	68.57	37	61.67	163	65.20
	Tập luyện theo đội tuyển khoa	5	8.33	0	0.00	5	7.14	0	0.00	10	4.00
	Tập luyện theo CLB	4	6.67	0	0.00	0	0.00	8	13.33	12	4.80
3	Nhu cầu tham gia tập luyện theo hình thức CLB có GV hướng dẫn										
	Rất muốn	50	83.33	51	85.00	59	84.29	53	88.33	213	85.20
	Bình thường	8	13.33	7	11.67	8	11.43	6	10.00	29	11.60
	Không cần thiết	2	3.33	2	3.33	3	4.29	1	1.67	8	3.20

Bảng 6. Thực trạng kết quả học tập môn TTTC của SV không chuyên trường ĐHHĐ

Xếp loại	Bóng đá (n = 125)		Bóng rổ (n = 128)		Bóng chuyền (n = 129)		Vovinam (n = 128)		Tổng cộng (n = 510)	
	N	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc, Giỏi	5	4.00	6	4.72	8	6.20	9	7.03	28	5.49
Khá	18	14.40	19	14.96	21	16.28	20	15.63	78	15.29
Trung bình	86	68.80	85	66.93	82	63.57	82	64.06	335	65.69
Yếu kém	16	12.80	18	14.17	18	13.95	17	13.28	69	13.53

Bảng 7. Thực trạng trình độ thể lực của SV không chuyên trường ĐHHĐ ($n_{nam} = 228$; $n_{nữ} = 282$)

TT	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Tiêu chuẩn RLTT mức đạt (lứa tuổi 19)	Kết quả kiểm tra					Tổng (n = 510)			
				Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \delta$)	Số người đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số người không đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số người đạt yêu cầu	Tỷ lệ %	Số người không đạt yêu cầu	Tỷ lệ %
1	Lực bóp tay thuận (kg)	Nam	≥ 41.40	41.85 ± 3.65	168	73.68	60	26.32	369	72.35	141	27.65
		Nữ	≥ 26.70	27.55 ± 2.48	201	71.28	81	28.72				
2	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30s)	Nam	≥ 17.00	17.2 ± 1.25	118	51.75	110	48.25	254	49.80	256	50.20
		Nữ	≥ 16.00	15.83 ± 1.24	136	48.23	146	51.77				
3	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	≥ 207.00	207.35 ± 18.39	116	50.88	112	49.12	248	48.63	262	51.37
		Nữ	≥ 153.00	151.32 ± 14.11	132	46.81	150	53.19				
4	Chạy 30m XPC (s)	Nam	≤ 5.70	5.66 ± 0.51	152	66.67	76	33.33	311	60.98	199	39.02
		Nữ	≤ 6.70	6.65 ± 0.62	159	56.38	123	43.62				
5	Chạy con thoi $4 \times 10m$ (s)	Nam	≤ 12.40	12.55 ± 1.06	108	47.37	120	52.63	234	45.88	276	54.12
		Nữ	≤ 13.00	13.42 ± 1.15	126	44.68	156	55.32				
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	≥ 950.00	927.17 ± 69.34	90	39.47	138	60.53	196	38.43	314	61.57
		Nữ	≥ 870.00	850.04 ± 62.85	106	37.59	176	62.41				
	$\bar{x}$									52.68		47.32

đạt loại yếu và kém chiếm tỷ lệ vẫn còn nhiều 60/510 SV đạt loại yếu, kém, (chiếm tỷ lệ 13.53%).

2.2.2. Thực trạng về tố chất thể lực chung theo tiêu chuẩn RLTT của SV

Quá trình nghiên cứu tiến hành kiểm tra trình độ thể lực chung của SV theo tiêu chuẩn RLTT do Bộ GD&ĐT ban hành. Kết quả thu được như sau:

Nhìn chung, khi so sánh với tiêu chuẩn RLTT của Bộ GD&ĐT có cùng lứa tuổi cho thấy, thể chất của SV trường ĐHHĐ còn ở mức độ thấp, tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn RLTT trung bình ở các nội dung chỉ có tỷ lệ 52.68% đạt yêu cầu.

3. KẾT LUẬN

Thực trạng chất lượng học tập các môn TTTC của SV khối không chuyên trường ĐHHĐ sau một

năm chuyển đổi từ hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vẫn còn hạn chế và tồn tại: điều kiện CSVC phục vụ dạy học một số môn thể thao chưa đảm bảo về chất lượng, mật độ vận động trong giờ học chính khoá GDTC nói chung và giờ học môn tự chọn nói riêng chưa cao; công tác ngoại khoá TDĐT của SV chưa triệt để, thiếu sự hướng dẫn SV tập luyện và RLTT, trong khi nhu cầu tập luyện ngoại khóa các môn thể thao nói chung và các môn TTTC của SV là tương đối cao (chiếm tỷ lệ 85.20)%.

Kết quả học tập của SV chủ yếu xếp loại trung bình (65.69%), trong khi đó tỷ lệ số SV đạt loại xuất sắc và giỏi rất thấp (5.49%) và tỷ lệ SV đạt loại yếu và kém vẫn còn nhiều (13.53%). Tỷ lệ số SV có tiêu chuẩn RLTT trung bình ở tất cả các nội dung chỉ đạt tỷ lệ 52.68% đạt yêu cầu trở lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.
 2. Bộ GD&ĐT (2008), Thông tư 25/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chương trình môn học GDTC.
 3. Bộ GD&ĐT (2015), Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
 4. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (2000), Lý luận và phương pháp thể dục thể thao, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- Nguồn bài báo: bài báo được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học: “Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng học tập các môn TTTC phù hợp theo học chế tín chỉ cho SV không chuyên trường ĐHHĐ” - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, trường ĐHHĐ - Thanh Hóa. Đề tài đã hoàn thành và dự kiến báo cáo kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá đề tài vào tháng 8/2018.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/1/2018; ngày phản biện đánh giá: 18/3/2018; ngày chấp nhận đăng: 6/4/2018)